

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ kế toán năm chuyển đổi  
từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Khuyến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Kiều Thị Tuyết Hằng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 22/05/2021)
Bà Mai Thị Mộng Thư	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 22/05/2021)
Ông Trương Tấn Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Nhứt Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/05/2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo của Tập đoàn cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Quốc Thắng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Long An, ngày 28 tháng 06 năm 2021

Số: 20/2021/KH-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT****Kính gửi: Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM**

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, được lập ngày 28 tháng 06 năm 2021, từ trang 05 đến trang 10, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 28 tháng 06 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) của Tập đoàn.

***Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc***

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT (TIẾP THEO)**

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt – được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm và các công ty con đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

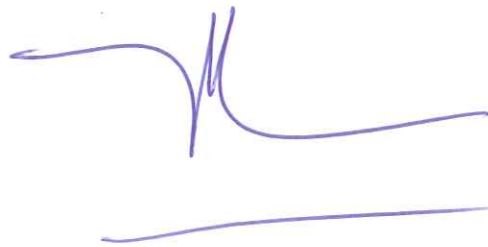
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021



**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2822-2020-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>3.132.105.336.412</b>	<b>3.087.478.327.190</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>17.070.634.353</b>	<b>141.631.887.779</b>
1. Tiền	111	15.480.089.572	98.055.645.775
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.590.544.781	43.576.242.004
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>449.137.127.678</b>	<b>449.063.927.678</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	447.414.780.719	447.414.780.719
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.722.346.959	1.649.146.959
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>1.577.540.967.221</b>	<b>1.456.697.440.508</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	525.348.414.602	503.106.196.465
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	882.842.499.633	779.232.677.045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	207.150.044.613	205.750.419.849
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(38.144.434.257)	(32.226.669.821)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	344.442.630	834.816.970
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>1.039.726.666.814</b>	<b>1.004.346.233.876</b>
1. Hàng tồn kho	141	1.047.205.913.782	1.007.717.646.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(7.479.246.968)	(3.371.412.347)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>48.629.940.346</b>	<b>35.738.837.349</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.317.557.529	10.636.027.168
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	31.196.605.909	25.038.992.128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	115.776.908	63.818.053

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3.454.062.288.919</b>	<b>3.424.423.859.042</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>281.107.078.501</b>	<b>277.530.547.969</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	3.114.428.358	1.905.892.968
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	156.185.747.000	156.395.747.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	121.916.702.506	119.338.802.946
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(109.799.363)	(109.894.945)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>930.358.585.882</b>	<b>937.308.138.574</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	621.426.622.669	628.099.520.761
Nguyên giá	222	1.600.275.035.312	1.586.812.286.479
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(978.848.412.643)	(958.712.765.718)
2. Tài sản cố định vô hình	227	308.931.963.213	309.208.617.813
Nguyên giá	228	342.515.360.909	342.515.360.909
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.583.397.696)	(33.306.743.096)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>58.049.865.171</b>	<b>11.813.478.687</b>
Nguyên giá	231	66.591.587.348	19.502.673.766
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(8.541.722.177)	(7.689.195.079)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>772.193.899.384</b>	<b>778.928.126.374</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	701.925.939.184	686.875.524.188
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	70.267.960.200	92.052.602.186
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>472.573.844.783</b>	<b>468.636.753.875</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	458.623.844.783	460.266.753.875
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13.950.000.000	8.370.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>939.779.015.198</b>	<b>950.206.813.563</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	595.760.322.017	597.535.394.970
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14.644.584.175	13.148.444.302
3. Lợi thế thương mại	269	329.374.109.006	339.522.974.291
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>6.586.167.625.331</b>	<b>6.511.902.186.232</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>5.136.575.141.140</b>	<b>4.963.383.205.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2.252.937.241.970</b>	<b>2.183.676.986.848</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	302.767.865.863	349.778.558.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	28.245.587.454	16.450.594.939
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	76.884.473.192	72.112.470.999
4. Phải trả người lao động	314	20.394.588.418	40.888.006.878
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	128.317.218.926	121.759.940.469
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26.904.096.915	19.330.126.668
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	586.541.571.982	547.246.354.688
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.068.096.354.526	1.001.325.449.491
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14.785.484.694	14.785.484.694
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.883.637.899.170</b>	<b>2.779.706.218.964</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	279.149.379.279	279.330.039.308
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	942.000.728.132	849.565.141.135
3. Phải trả dài hạn khác	337	468.498.446.642	453.390.842.059
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.193.989.345.117	1.197.420.196.462
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.449.592.484.191</b>	<b>1.548.518.980.420</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.449.592.484.191</b>	<b>1.548.518.980.420</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	680.704.850.000	680.704.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27.598.330.000	27.598.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(18.591.000.000)	(18.591.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	47.441.278.681	47.441.278.681
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	609.075.625.657	705.407.571.320
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	707.347.563.250	591.364.688.910
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(98.271.937.593)	114.042.882.410
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	103.363.399.853	105.957.950.419
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>6.586.167.625.331</b>	<b>6.511.902.186.232</b>



**Võ Quốc Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Nguyễn Văn Hùng**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Văn Dư**  
Giám đốc Điều hành tài chính

**Phan Thị Quế Phương**  
Kế toán trưởng

Long An, ngày 28 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	310.786.143.692	2.018.579.008.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	41.345.338.780	99.145.676.698
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	269.440.804.912	1.919.433.331.314
4. Giá vốn hàng bán	11	222.686.450.485	1.303.393.681.342
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	46.754.354.427	616.039.649.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.780.214.104	102.341.684.365
7. Chi phí tài chính	22	52.826.672.276	150.899.520.090
Trong đó, chi phí lãi vay	23	42.839.865.484	163.373.197.527
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(1.642.909.092)	504.338.803
9. Chi phí bán hàng	25	48.893.650.304	227.619.669.756
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	50.844.593.032	182.587.813.009
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(103.673.256.173)	157.778.670.285
12. Thu nhập khác	31	5.373.892.262	4.824.723.692
13. Chi phí khác	32	1.418.050.706	13.361.882.192
14. Lợi nhuận khác	40	3.955.841.556	(8.537.158.500)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(99.717.414.617)	149.241.511.785
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	705.221.486	33.452.427.074
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1.496.139.874)	(3.641.346.157)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(98.926.496.229)	119.430.430.868
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	(654.558.636)	5.387.548.458
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62	(98.271.937.593)	114.042.882.410
21. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.462)	1.697
22. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.462)	1.697



**Võ Quốc Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Nguyễn Văn Hùng**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Văn Dư**  
Giám đốc Điều hành tài chính

**Phan Thị Quế Phương**  
Kế toán trưởng

Long An, ngày 28 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	(99.717.414.617)	149.241.511.785
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.149.082.526	126.779.524.238
Các khoản dự phòng	03	10.025.503.475	(103.037.948.149)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.123.060.012)	(52.871.791.107)
Chi phí lãi vay	06	42.839.865.484	163.373.197.527
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(15.826.023.144)</b>	<b>283.484.494.294</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(128.752.878.980)	(303.525.843.929)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(55.903.012.398)	(78.155.488.026)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	126.252.193.599	536.789.536.256
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(9.049.337.379)	(463.336.281.838)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(182.410.773.377)
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.009.378.697)	(136.528.901.343)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.550.476.836)	(34.944.557.642)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(206.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(131.838.913.835)</b>	<b>(378.834.665.605)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm chuyển đổi từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.714.397.526)	(80.296.988.229)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	176.563.636	128.322.987
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(73.200.000)	(150.639.146.959)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	210.000.000	264.086.250.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.580.000.000)	(8.370.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.304.184.009	100.776.143.946
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(44.676.849.881)</b>	<b>125.684.581.745</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	444.801.911.520	2.685.268.084.173
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(381.461.857.830)	(2.371.276.361.797)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.385.543.400)	(30.827.350.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>51.954.510.290</b>	<b>283.164.372.176</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(124.561.253.426)</b>	<b>30.014.288.316</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	141.631.887.779	111.617.599.463
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>17.070.634.353</b>	<b>141.631.887.779</b>



**Võ Quốc Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Nguyễn Văn Hùng**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Văn Dự**  
Giám đốc Điều hành tài chính

**Phan Thị Quế Phương**  
Kế toán trưởng

Long An, ngày 28 tháng 06 năm 2021